

Giảm lạm phát bằng niềm tin

LÊ KHƯƠNG NINH
Đại học Cần Thơ

Lạm phát trong bốn tháng đầu năm 2008 lại lên đến 11,39%, vượt qua tốc độ tăng trưởng GDP trong cùng kỳ. Tình hình này làm cho mọi người thực sự cảm thấy bất an. Nếu không khéo thu xếp, lạm phát cao như vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, gây xáo trộn xã hội. Vì vậy, các biện pháp kiềm chế lạm phát, cả trong ngắn hạn và dài hạn, cần phải được hoạch định và thực thi một cách nghiêm túc, đồng bộ và nhất quán. Mục tiêu của bài viết này là phân tích một nguyên nhân quan trọng của lạm phát nhưng thường bị lãng quên, đó là *niềm tin* của người dân vào năng lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

Giới thiệu

Việc lạm phát lên đến hai chữ số (12,63%) trong năm 2007 gây lo lắng cho người dân, nhất là người dân nghèo. Hệ quả của lạm phát cao là làm cho người nghèo đi nhanh hơn, xóa đi thành quả xóa đói, giảm nghèo đã đạt được trong thời gian qua. Đồng thời, với lạm phát cao số thu nhập ít ỏi của người nghèo sẽ chuyển nhanh sang người giàu (những người sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra của nền kinh tế), khiến cho bất bình đẳng trong thu nhập ngày càng lớn. Khi bất bình đẳng về thu nhập tăng, mức độ hài lòng của người dân sẽ giảm và các hiện tượng xấu xuất hiện ngày càng nhiều, gây ra bất ổn cho xã hội. Quan trọng nhất, lạm phát cao còn làm xói mòn lòng tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Chính phủ, làm nảy sinh nhiều suy nghĩ và hành vi lệch lạc khiến cho việc điều hành nền kinh tế vĩ mô càng trở nên khó khăn hơn.

Các nguyên nhân của lạm phát

Để các luận điểm được trình bày có sức thuyết phục hơn, ta sẽ giải thích ngắn gọn các nguyên nhân của lạm phát để qua đó phân tích ảnh hưởng của niềm tin của người dân vào khả năng kiềm chế lạm phát của Chính phủ đối với lạm phát thực tế. Mô hình lý thuyết được sử dụng để lý giải vấn đề này là *phương trình đường cong Phillips*. Theo các giáo trình kinh tế học vĩ mô, phương trình đường cong Phillips được viết như sau:

$$\pi = \pi^e - \beta(u - u^n) + \varepsilon, \quad (1)$$

trong đó: π là lạm phát hiện tại, π^e là lạm phát kỳ vọng, u là tỷ lệ thất nghiệp thực tế, u^n là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên và ε là tổng hợp của các yếu tố ảnh hưởng ngoại sinh đến lạm phát thực tế, mà trong đó quan trọng nhất là giá các hàng hóa nhập khẩu (như giá xăng dầu chẳng hạn). Cuối cùng, β là một tham số dương, đặc trưng cho nền kinh tế đang xem xét.

Không cần phải có kiến thức kinh tế cao siêu, ai cũng có thể nhận thấy rằng nếu *lạm phát kỳ vọng* π^e – lạm phát trong thời gian tới theo suy nghĩ (kỳ vọng) của dân chúng – tăng sẽ làm cho lạm phát hiện tại tăng. Một vấn đề rất có ý nghĩa đối với thực tế nước ta hiện nay là lạm phát kỳ vọng được hình thành và có ảnh hưởng như thế nào đến lạm phát hiện thời? Nó có quan hệ ra sao với niềm tin của dân chúng vào năng lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ? Ta sẽ phân tích chi tiết vấn đề này để có thể đưa ra giải pháp kiềm chế lạm phát một cách hữu hiệu hơn. Tuy nhiên, trước khi làm điều đó, hãy giải thích hết ý nghĩa của phương trình (1).

Phương trình (1) cho thấy nếu thất nghiệp thực tế (u) giảm thì lạm phát sẽ tăng. Đây là *lạm phát cầu kéo*, nghĩa là khi nhu cầu đối với nền kinh tế cao (có thể do số cung tiền tăng, đầu tư công và tư tăng, đầu tư nước ngoài tăng, v.v.) sẽ làm cho thất nghiệp giảm vì nền kinh tế sẽ phải sử dụng nhiều lao động hơn để đáp ứng nhu cầu cao hơn. Khi thất nghiệp thực tế (u) nhỏ hơn thất nghiệp tự nhiên (u^n) – nghĩa là nguồn lực lao động được sử dụng quá mức – thì lạm phát sẽ tăng do chi phí sử dụng lao động cao hơn. Chỉ riêng lạm phát cầu kéo thôi cũng đã làm cho nhiệm vụ kiềm chế lạm phát trở nên hết sức khó khăn. Song, đó không phải là lạm phát duy nhất có tác động xấu đến nền kinh tế.

Tham số còn chứa đựng trong nó các yếu tố phức tạp hơn nhiều. Phương trình (1) cho thấy khi tăng thì lạm phát sẽ tăng. Sự phức tạp nằm ở chỗ bao gồm các yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Chính phủ. Hãy lấy giá xăng dầu làm thí dụ. Giá dầu thô thế giới thay đổi là do chính sách của các nước OPEC, căng thẳng giữa

Mỹ và Iran, sự bất ổn về chính trị ở các nước xuất khẩu dầu hỏa (như ở Nigeria vào đầu tháng 4-2008), mùa đông kéo dài ở các nước hàn đới, mâu thuẫn giữa Mỹ và Venezuela, nền kinh tế Mỹ bị trì trệ làm cho đồng đô la bị mất giá, v.v. Nếu giá dầu thế giới tăng lên thì giá xăng dầu nhập về để phục vụ cho nền kinh tế cũng sẽ tăng theo. Vì xăng dầu là yếu tố đầu vào tối cần thiết của nền kinh tế (ở nhiều phương diện như tiêu dùng, sản xuất, quốc phòng, an ninh quốc gia, v.v.) nên khi giá xăng dầu tăng lên kéo theo giá các sản phẩm khác tăng lên, kể cả hàng hóa tiêu dùng và các yếu tố đầu vào cho sản xuất. Khi đó, hệ quả tất yếu là các doanh nghiệp phải tăng giá sản phẩm do chi phí sản xuất tăng. Đồng thời, khi nghĩ rằng giá yếu tố đầu vào sẽ tăng lên thì các doanh nghiệp buộc phải tăng giá trong hôm nay để tránh thiệt hại vì phải mua yếu tố đầu vào cho sản xuất với giá cao hơn trong tương lai. Lạm phát này thường được gọi là *lạm phát chi phí đẩy*.

Như vậy, lạm phát hiện tại là hệ quả của lạm phát kỳ vọng, lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy. Trong ba loại trên, lạm phát kỳ vọng – xuất phát từ niềm tin của người dân vào năng lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ – là then chốt nhất

vì nó là kênh truyền dẫn ảnh hưởng của hai loại lạm phát còn lại. Nếu không tách bạch được mức độ ảnh hưởng của từng loại lạm phát này đến lạm phát thực tế thì các chính sách đưa ra sẽ chủ quan, thiếu cơ sở khoa học và lúng túng.

Lạm phát do lạm phát kỳ vọng: Vấn đề bị lãng quên

Như vừa đề cập ở trên, phương trình đường cong Phillips cho thấy rằng nếu tăng thì sẽ tăng. Nói cách khác, nếu dân chúng kỳ vọng có lạm phát trong tương lai thì lạm phát sẽ xuất hiện ngay từ hôm nay. Nhưng tại sao lại như vậy? Cách lý giải đơn giản nhất là nếu nghĩ (kỳ vọng) rằng giá sẽ tăng lên trong ngày mai thì hôm nay người tiêu dùng sẽ mua hàng hóa để dự trữ, những người có tiền sẽ đầu cơ hàng hóa để trục lợi, v.v. Các hành vi này làm cho nhu cầu đối với hàng hóa tăng lên, dẫn đến giá tăng nếu số cung hàng hóa chưa đủ thời gian để tăng tương ứng. Bên cạnh đó, khi nghĩ rằng giá hàng hóa (kể cả hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu vào cho sản xuất) sẽ tăng thì ngay hôm nay các doanh nghiệp phải tăng giá bán với mức giá kỳ vọng để đảm bảo có lợi nhuận vì sắp tới phải mua yếu tố đầu vào với giá cao hơn. Xếp hơn, các doanh nghiệp cũng có thể sẽ giảm hàng lại để bán sau có lợi hơn hay để nghe ngóng tình hình, làm cho hàng hóa trên thị trường càng trở nên khan hiếm và giá sẽ tăng khi cầu vượt cung. Tất cả các hiện tượng này cùng nhau đẩy lạm phát lên, đồng thời cho thấy tầm quan trọng của lạm phát kỳ vọng đối với lạm phát thực tế.

Một câu hỏi lý thú là lạm phát kỳ vọng được hình thành như thế nào? Theo các nhà kinh tế, có hai loại kỳ vọng. Đó là *kỳ vọng thích ứng* và *kỳ vọng hợp lý*. Kỳ vọng thích ứng ngụ ý rằng người ta nghĩ về ngày mai dựa trên những gì đã xảy ra hôm nay và hôm qua. Cụ thể, nếu hôm nay và hôm qua có

thể sẽ giảm hàng lại để bán sau có lợi hơn hay để nghe ngóng tình hình, làm cho hàng hóa trên thị trường càng trở nên khan hiếm và giá sẽ tăng khi cầu vượt cung. Tất cả các hiện tượng này cùng nhau đẩy lạm phát lên, đồng thời cho thấy tầm quan trọng của lạm phát kỳ vọng đối với lạm phát thực tế.



Tỷ lệ lạm phát (2007-2008)

Tháng – năm	Lạm phát (%)	Tháng – năm	Lạm phát (%)	Tháng – năm	Lạm phát (%)
01-2007	1,05	07-2007	0,94	01-2008	2,38
02-2007	2,20	08-2007	0,55	02-2008	3,56
03-2007	-0,20	09-2007	0,51	03-2008	2,99
04-2007	0,50	10-2007	0,74	04-2008	2,20
05-2007	0,80	11-2007	1,23		
06-2007	0,90	12-2007	2,91		

Nguồn: Tổng cục Thống kê (<http://www.gso.gov.vn>).

lạm phát cao mà Chính phủ không thể kiềm chế hay đẩy lùi được thì người ta sẽ cho rằng ngày mai sẽ tiếp tục có lạm phát cao. Tuy không thể giải thích được hết tất cả các tình huống thực tế trong mọi lúc nhưng kỳ vọng này rất phù hợp với các tình huống cụ thể ở những người không có kiến thức kinh tế sâu rộng để có thể phân tích được hành vi của nền kinh tế, ảnh hưởng của các chính sách kinh tế vĩ mô (như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ), xu hướng biến động của kinh tế - chính trị thế giới, v.v. Họ chỉ nghĩ đơn giản là hôm qua và hôm nay thế nào thì ngày mai thế ấy. Song, số người này lại là đại đa số. Vì vậy, kỳ vọng thích ứng của số đông như vậy sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến lạm phát thực tế qua các hành vi ứng xử đã trình bày ở trên. Hãy thử phân tích thực trạng lạm phát ở nước ta trong năm 2007 và những tháng đầu năm 2008 để thấy tác động của kỳ vọng này.

Lạm phát trong năm 2007 có xu hướng tăng càng nhanh vào những tháng cuối (xem bảng), dẫn đến đến kết quả là lạm phát cả năm lên đến 12,63% – con số kỷ lục ở nước ta kể từ thập niên 1990. Vấn đề là Chính phủ đã thực thi nhiều chính sách để kiềm chế nhưng hầu như không có tác dụng. Ta đã thấy sự bất lực của các chính sách kinh tế vĩ mô dùng để kiềm chế lạm phát trong thời gian qua thông qua phương tiện truyền thông đại chúng, qua trải nghiệm thực tế trong đời sống hàng ngày khi mua hàng hóa, qua các phân tích khoa học, v.v. Chính sự bất lực này khiến cho người dân kỳ vọng lạm phát sắp tới sẽ cao do lạm phát cao trong quá khứ và hiện tại. Như vậy, các hành động như mua gom hàng, đầu cơ, gìm hàng, tăng giá hàng, v.v. xuất hiện làm cho giá tăng nhanh ngay trong hiện tại là điều dễ hiểu. Điều đó cho thấy vấn đề quan trọng là Chính phủ cần chứng tỏ năng lực của mình trong việc kiềm chế lạm phát để lấy lại niềm tin, đồng thời điều chỉnh các kỳ vọng lệch lạc của dân chúng.

Sẽ rất khiếm khuyết nếu đưa ra kết luận ngay sau khi phân tích ảnh hưởng của kỳ vọng thích ứng vì loại kỳ vọng thứ hai (đó là kỳ vọng hợp lý) còn soi rọi nhiều điều hơn nữa. Kỳ vọng hợp lý có thể được hiểu một cách đơn giản là kỳ vọng dựa trên tất cả các thông tin mà người ta có được. Cụ thể, lạm phát kỳ vọng hợp lý là lạm phát dựa trên thông tin về lạm phát trong quá khứ và hiện tại, về các chính sách kinh tế vĩ mô đã và đang được thực

hiện, tình hình chính trị thế giới, tình hình kinh tế thế giới, sự nhất quán trong quan điểm chống lạm phát của Chính phủ, sự hòa hợp giữa các chính sách vĩ mô đang thực hiện, năng lực của người hoạch định và thực thi chính sách, v.v.

Xét về các khía cạnh này, người ta có lý khi kỳ vọng lạm phát tiếp tục cao trong thời gian tới. Lý do thứ nhất là Chính phủ còn chưa có sự phân định rõ ràng trong việc xác định mục tiêu kinh tế ngắn và dài hạn. Đương nhiên, mục tiêu dài hạn phải là tăng trưởng kinh tế cao với tỷ lệ lạm phát (và thất nghiệp) hợp lý. Song, thực tiễn cho thấy không phải lúc nào tăng trưởng kinh tế cao cũng là tối ưu, nhất là khi mà hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Do tăng trưởng kinh tế và lạm phát luôn song hành nên tăng trưởng kinh tế cao lại có thể là nguyên nhân của lạm phát cao. Điều này đúng ở nước ta. Hãy nhìn vào chỉ số ICOR sẽ rõ.¹ Chỉ số này ở nước ta (khoảng 7-8) cao hơn so với các nước trong khu vực (trung bình khoảng 3-4) và có xu hướng ngày càng tăng. Khi nền kinh tế chưa đạt hiệu quả cao, để tăng trưởng kinh tế cao thì sẽ phải đưa một số tiền lớn vào lưu thông trong khi sản lượng của nền kinh tế tăng chậm hơn. Khi đó, số cầu hàng hóa tăng nhanh hơn số cung hàng hóa nên lạm phát cao là điều dễ hiểu. Chính vì lý do này, Chính phủ có thể đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế trước mắt (ngắn hạn) thấp đi một chút là có thể khôi phục lại niềm tin của người dân về tính hữu hiệu của các công cụ chính sách mà Chính phủ sẽ thực hiện để kiềm chế lạm phát. Khi có được niềm tin thì lạm phát kỳ vọng sẽ giảm, kéo theo sự giảm đi của lạm phát hiện tại. Nói cách khác, Chính phủ cũng có thể vẫn theo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao trong dài hạn, nhưng “âm thầm” hơn (nghĩa là ít tuyên bố, hô hào hơn) để tránh có tác động xấu đến kỳ vọng về lạm phát của dân chúng.

Một hiện tượng thường thấy ở nước ta là khi có vấn đề gì bất lợi xảy ra thì rất nhiều người tham gia giải quyết mà lại không biết rõ đâu là nguyên nhân chủ yếu và đâu là giải pháp phù hợp (vì thiếu các nghiên cứu cơ bản), đồng thời cũng không xác định rõ là ai sẽ là người chịu trách nhiệm chính. Nếu nhìn sang các nước tiên tiến có trình độ quản lý kinh tế vĩ mô tốt thì sẽ thấy nhiệm vụ kiềm chế lạm phát luôn nằm trong tay ngân hàng trung ương. Chính phủ ở đó đóng vai trò hỗ trợ làm cho các chính sách

¹ Chỉ số ICOR (Incremental Capital-Output Ratio) là tỷ số giữa số đơn vị đầu tư và số đơn vị tăng trưởng. Nói cách khác, ICOR cho biết số đơn vị đầu tư để tạo ra một đơn vị tăng trưởng.

của ngân hàng trung ương tăng thêm hiệu lực bằng cách phối hợp hành động của các cơ quan hữu quan. Ta chưa làm được điều này nên nhiều chính sách mâu thuẫn nhau đưa ra cùng lúc làm vô hiệu hóa sự cố gắng của Ngân hàng Nhà nước. Nhiệm vụ kiểm chế lạm phát trong thời gian trước mắt và kể cả lâu dài nên được gom vào một mối với một hệ thống chính sách toàn diện, đồng bộ và quan trọng nhất phải là nhất quán. Trong dài hạn, tính độc lập của Ngân hàng Nhà nước cũng là một vấn đề cần bàn.

Hiệu lực của các chính sách còn phụ thuộc vào năng lực của người điều hành. Tất nhiên, công chúng không thể nào đánh giá chính xác được năng lực thực sự của người điều hành chính sách kinh tế vĩ mô. Song, những bày tỏ của họ trên các phương tiện truyền thông đại chúng – là nơi mà công chúng tiếp xúc (mặc dù là gián tiếp) với Chính phủ – sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến kỳ vọng của công chúng về lạm phát trong tương lai. Bất kỳ dấu hiệu bi quan nào của những người có trọng trách (có thể là không chủ định) đều có ảnh hưởng xấu đến lạm phát kỳ vọng hợp lý. Chính vì điều này, nên chẳng các viên chức Chính phủ cấp cao cần thận trọng và cần nhất quán mục tiêu kiểm chế lạm phát khi xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng? Ngoài ra, hiện tượng những công chức có năng lực đang rời bỏ các cơ quan Nhà nước, kể cả ngay ở Ngân hàng Nhà nước, lại càng làm xói mòn lòng tin của dân chúng vào năng lực điều hành nền kinh tế vĩ mô của cơ quan này.

Khi nhận thấy giá cả hàng hóa gia tăng, Chính phủ đã bắt đầu thực hiện các chính sách tiền tệ để kiểm chế vì cho rằng nguyên nhân của lạm phát là do chính sách tiền tệ. Nguyên lý của việc sử dụng chính sách tiền tệ để kiểm chế lạm phát là khá đơn giản. Cụ thể, căn cứ vào *lý thuyết định lượng tiền* dạng tương đối, ta có:

$$m + v = \pi + y, \quad (2)$$

trong đó: là tốc độ tăng của số cung tiền, là tốc độ chu chuyển tiền trong nền kinh tế, là tỷ lệ lạm phát và là tốc độ tăng trưởng của GDP thực. Như vậy, có thể dễ dàng thấy rằng muốn giảm lạm phát thì phải giảm tốc độ tăng số cung tiền hay rút bớt tiền ra khỏi lưu thông. Có rất nhiều cách để rút bớt tiền ra khỏi lưu thông như hạn chế cho vay (như Chỉ thị 03/2007/CT-NHNN về cho vay trong hoạt động chứng khoán), tăng lãi suất (Quyết định số 305/QĐ-NHNN), tăng dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại (Quyết định số 187/2008/QĐ-NHNN), bán tín phiếu Chính phủ (Quyết định số 346/QĐ-NHNN) hay bán trái phiếu Chính phủ ra công chúng, v.v.

Tuy nhiên, nền kinh tế là một tổng thể mà trong đó các bộ phận cấu thành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Điều này có nghĩa là bất kỳ một chính sách nhắm vào một bộ phận nào đó đều có ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Chính vì vậy, cần phải tính toán hết sức đầy đủ và kỹ lưỡng các ảnh hưởng đến toàn thể nền kinh tế khi đưa ra một chính sách nào đó để tránh giải quyết được một vấn đề mà nền kinh tế lại bị đổ vỡ. E ngại sợ đổ vỡ của nền kinh tế do thực thi một chính sách lại dẫn đến việc thực hiện các chính sách tiếp theo mâu thuẫn với chính sách

trước, do đó làm giảm hiệu lực của chính sách trước và lại tiếp tục đưa nền kinh tế đi đến bất ổn. Ta đã thấy điều này trong thời gian qua. Thí dụ, năm 2007 Chính phủ đã cố gắng làm giảm số cung tiền nhưng sau đó lại tung nội tệ ra để mua đôla vì e đôla mất giá (hay tiền đồng lên giá) sẽ làm giảm xuất khẩu và ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế. Sự thiếu nhất quán này làm cho lạm phát kỳ vọng tăng cao, góp phần làm cho lạm phát thực tế cũng cao vào đầu năm 2008 (với các nguyên nhân như đã giải thích ở trước). Năm 2008, để giảm số cung tiền nhằm kiểm chế lạm phát, vừa qua NHNN tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, bán tín phiếu Chính phủ bắt buộc cho các ngân hàng thương mại, v.v. Đây là các biện pháp cần thiết nhưng lại khiến cho các ngân hàng bị thiếu vốn, dẫn đến cuộc chạy đua lãi suất nhằm huy động vốn. Lãi suất cao cũng là một công cụ để kiểm chế lạm phát nhưng hệ quả của nó là đầu tư sẽ giảm, làm cho tăng trưởng kinh tế cũng sẽ giảm theo. Lãi suất cao cũng làm cho doanh nghiệp bị thiếu vốn kinh doanh (vì không dám vay), do đó không thể mua sản phẩm của nông dân trong khi phải bán yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu, v.v.) với giá cao, do đó sẽ làm giảm sản lượng và đe dọa an ninh lương thực quốc gia.

Nếu vẫn cứ duy trì mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, có thể dễ ước đoán được sắp tới Chính phủ làm điều ngược lại, lại vô hiệu hóa các chính sách trước đó. Thực tế đã cho thấy điều này, đó là Chính phủ quy định lãi suất trần. Quy định này làm giảm lợi nhuận của các ngân hàng thương mại và có thể dẫn đến sự đổ vỡ của các ngân hàng có độ an toàn thấp, lại gây ra nguy hại đến nền kinh tế. Do mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên một số ngân hàng sẽ phá vỡ trần lãi suất, mở đường cho các ngân hàng khác làm theo mà Chính phủ sẽ không ngăn được và có thể buộc phải dỡ bỏ quy định này. Một lần nữa, sự thiếu nhất quán này sẽ tạo ra sự bất ổn trong hệ thống tài chính – mạch máu của nền kinh tế – và có ảnh hưởng xấu đến kỳ vọng của dân chúng về lạm phát.

Các chính sách tiền tệ còn bị vô hiệu hóa bởi những điều tưởng chừng như không có liên quan cũng như các chính sách vĩ mô khác. Hãy lấy thí dụ *lời hứa tăng lương* nhưng lại không thực hiện được trong một thời gian dài. Nguyên tắc hành động trong quản lý kinh tế vĩ mô là không nói trước những điều chưa thể thực hiện, nếu những điều này có ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế thông qua kỳ



vọng của dân chúng. Để giải thích một cách cặn kẽ hơn ảnh hưởng của lời hứa tăng lương nhưng không thực hiện đến lạm phát, ta chỉ cần một lý thuyết đơn giản khác bên cạnh lý thuyết định lượng tiền. Đó là *lý thuyết ưa chuộng thanh khoản*. Lý thuyết này được trình bày ngắn gọn qua phương trình sau:

$$M/P=L(i,Y), \text{ với } \partial L/\partial i < 0; \partial L/\partial Y > 0. \quad (3)$$

với M là số cung tiền (hay số tiền có trong lưu thông), là giá cả hàng hóa của nền kinh tế, là lãi suất danh nghĩa của hệ thống tài chính – ngân hàng và là GDP thực của nền kinh tế. Ngoài ra, là hàm số cho biết nhu cầu đối với tiền của nền kinh tế phụ thuộc như thế nào vào lãi suất danh nghĩa và GDP thực của nền kinh tế. Cụ thể, nếu tăng thì nhu cầu đối với tiền sẽ giảm và nếu GDP thực tăng thì nhu cầu đối với tiền sẽ tăng. Lý thuyết ưa chuộng thanh khoản chỉ đơn giản nhấn mạnh rằng số cung tiền (vế trái) phải bằng với số cầu đối với tiền (vế phải) để nền kinh tế có thể tiếp tục vận hành trơn tru.

Ngoài ra, ta cũng biết công thức Fisher về mối quan hệ giữa lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực và lạm phát của nền kinh tế. Đơn giản, công thức Fisher cho rằng lãi suất danh nghĩa bằng với lãi suất thực cộng với lạm phát. Nói cách khác:

$$i = r + \pi. \quad (4)$$

Vấn đề nằm ở chỗ là khi ấn định lãi suất danh nghĩa các Tổ chức tín dụng không biết lạm phát sắp tới chính xác sẽ là bao nhiêu. Do đó, họ chỉ có thể dựa vào lạm phát kỳ vọng. Như vậy, công thức Fisher được điều chỉnh thành: Chỉ hứa tăng lương thôi thì không làm tăng số cung tiền trong hiện tại nên không gây ra lạm phát. Như vậy, lý thuyết định lượng tiền không giải thích được ảnh hưởng của lời hứa tăng lương lên lạm phát thực tế. Tuy nhiên, khi kết hợp lý thuyết ưa chuộng thanh khoản và công thức Fisher, ta có thể dễ dàng giải thích điều này. Nếu lạm phát kỳ vọng tăng, lãi suất danh nghĩa sẽ tăng (vì $i = r + \pi$), làm cho giảm. Mà giảm, trong khi giữ nguyên thì chắc chắn phải tăng. Điều này có nghĩa là lời hứa tăng lương là một nguyên nhân của lạm phát thực tế. Việc này đã qua nhưng tương lai những lời hứa hẹn như vậy cần phải tuyệt đối tránh.

Vấn đề kế tiếp là *cơ chế điều hành giá xăng dầu*. Cơ chế điều hành giá xăng dầu cũng đã góp phần làm vô hiệu hóa tác dụng của các chính sách tiền tệ trong việc kiềm chế lạm phát. Cho đến tháng 5 năm 2007, Chính phủ vẫn còn thống nhất quản lý giá xăng dầu, nhưng sau đó giao quyền cho các doanh nghiệp tự định giá xăng. Đây là việc làm cần thiết trong khi ngân sách Chính phủ còn hạn hẹp, cần sử dụng cho các mục tiêu khác thiết yếu hơn là trợ giá xăng dầu. Tuy nhiên, cơ chế thị trường lại không đơn giản. Với một số lượng ít ỏi các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu (11 doanh nghiệp), khả năng rất lớn là họ sẽ câu kết với nhau để tăng giá vì lý thuyết kinh tế học đã từ lâu chứng minh rằng nếu câu kết để tăng giá thì lợi nhuận sẽ tăng vì đây là loại hàng hóa thiết yếu có hệ số

co giãn rất thấp (về giá trị tuyệt đối). Hai lần giá xăng tăng đồng loạt kể từ khi tự do hóa giá xăng dầu minh chứng rõ điều này. Tiếc rằng Chính phủ gần như hoàn toàn bất lực để cho giá xăng dầu tăng lên vào đúng lúc lạm phát rất cao. Kết quả là dân chúng khó có thể tin vào khả năng kiềm chế lạm phát của Chính phủ và lạm phát kỳ vọng (hợp lý) sẽ xuất hiện, làm tăng lạm phát thực tế. Nếu giá xăng dầu tăng lên thì giá các hàng hóa khác tăng theo là điều tất nhiên, gây ra lạm phát cao hơn.

Gần đây, thông tin về việc giá điện có thể sẽ tăng lại tiếp tục lấy đi niềm tin của dân chúng. Giá điện tăng sẽ đẩy hàng hóa vào một đợt tăng giá mới quá sức chịu đựng của người dân. Vì vậy, cần cân nhắc kỹ xem có nên tăng giá điện hay không, ít nhất là trong năm nay, khi mà lạm phát đang rất cao. Điều cần thiết bây giờ là nên khẳng định rằng sẽ không tăng giá điện để trấn an dân chúng. Bên cạnh đó, lạm phát ở nước ta còn do các nguyên nhân khác như việc đầu tư ngân sách vào các công trình kém hiệu quả, tiêu cực ở một số doanh nghiệp nhà nước lớn, nhập siêu tiếp tục gia tăng, v.v. Nhanh chóng giải quyết các vấn đề này một mặt sẽ giảm số tiền đưa ra lưu thông, xác lập lại niềm tin của dân chúng trong thời điểm trước mắt. Về lâu dài, cần phải cải thiện tính hiệu quả của nền kinh tế để góp phần ngăn chặn lạm phát.

Kết luận

Lạm phát xuất hiện là do nhiều nguyên nhân. Có thể tóm gọn các nguyên nhân đó là lạm phát kỳ vọng, lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy. Trong thời gian qua, do chưa tách bạch được mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân này nên ta đã quá chú trọng đến việc sử dụng chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát. Các chính sách này, trong một chừng mực nhất định, là có tác dụng tốt nhưng lại tạo ra sự bất ổn trong nền kinh tế, khiến cho Chính phủ phải đưa ra các chính sách mâu thuẫn nhau nên đã vô hiệu hóa hiệu lực của nhiều chính sách áp dụng trước đó. Điều này đã tác động rất lớn đến kỳ vọng của người dân theo hướng nghĩ rằng lạm phát sắp tới cũng sẽ cao, khiến cho lạm phát thực tế tăng lên. Thực tế trong thời gian qua đã chứng minh rằng các biện pháp khác như chấn chỉnh lại các khoản đầu tư của Chính phủ, tăng cường hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước cũng như của toàn bộ nền kinh tế, v.v. sẽ là các biện pháp kiềm chế lạm phát hiệu quả hơn.

Cho đến khi nào lạm phát còn cao thì người nghèo – là đại bộ phận dân chúng, kể cả số đông là nông dân – còn cảm thấy bất an do chất lượng cuộc sống của họ giảm đi quá nhanh. Theo đó, niềm tin của họ cũng bị xói mòn. Điều quan trọng bây giờ là *cần lấy lại niềm tin*, không chỉ để kiềm chế lạm phát mà còn để khẳng định mục tiêu của Đảng ta là vì lợi ích của toàn dân ■